

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-PT.

Ngày: 05/7/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2019/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐ-PT ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 38/2019/QĐ-PT ngày 25/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P.

Địa chỉ: Số M, tổ B, khu phố B, phường Đ, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng C, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Mạnh T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: A, đường B, tổ T, khu phố B3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2018 – Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH E (Việt Nam)

Địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: E, V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019 – Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn L - Người đại diện hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Ngày 02/01/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P (gọi tắt Công ty P) có ký hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐPVP-EMC/2018 với Công ty TNHH E (Việt Nam) (gọi tắt Công ty E) với nội dung Công ty P cung cấp cho Công ty E thùng giấy carton theo hợp đồng trên. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng cho Công ty E nhưng khi đến thời hạn thanh toán Công ty E không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng dù P đã nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở. Ngày 26/11/2018, Công ty E xác nhận đối chiếu công nợ và còn nợ quá hạn Công ty P số tiền là 572.008.794 đồng. Ngày 06/12/2018, phía Công ty E đã trả cho Công ty P số tiền nợ gốc còn thiếu là 51.309.830 đồng nên ngày 28/2/2019 Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 51.309.830 đồng nợ gốc.

Nay Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P yêu cầu Công ty TNHH E (Việt Nam) thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 520.698.964 đồng và tiền lãi với lãi suất là 6,7%/năm kể từ ngày đến hạn thanh toán đến khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án (tạm tính đến ngày 09/4/2019) là 20.907.894 đồng. Tổng cộng là 541.606.858 đồng.

Đối với ý kiến của đại diện Công ty TNHH E (Việt Nam) đề nghị mỗi tháng thanh toán số tiền nợ nêu trên là 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P không đồng ý.

- Theo bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông L trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của ông T. Ngày 02/1/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P (gọi tắt Công ty P) có ký hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐPVP-EMC/2018 với Công ty TNHH E (Việt Nam) (gọi tắt Công ty E) với nội dung Công ty P cung cấp cho Công ty E thùng giấy carton theo hợp đồng trên. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng cho Công ty E nhưng do Công ty E gặp khó khăn trong kinh doanh

nên không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng dù P đã nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở. Ngày 26/11/2018, Công ty E xác nhận đối chiếu công nợ và còn nợ quá hạn Công ty P số tiền là 572.008.794 đồng. Công ty E chậm thanh toán cho Công ty P từ tháng 8/2018. Ngày 06/12/2018, Công ty E đã trả cho Công ty P số tiền nợ gốc là 51.309.830 đồng.

Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P yêu cầu Công ty TNHH E (Việt Nam) thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 520.698.964 đồng và tiền lãi với lãi suất là 6,7%/năm kể từ ngày đến hạn thanh toán đến khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xong vụ án (tạm tính đến ngày 09/4/2019) là 20.907.894 đồng thì Công ty TNHH E (Việt Nam) đồng ý. Do Công ty TNHH E (Việt Nam) đang gặp khó khăn về tài chính nên Công ty đề nghị mỗi tháng Công ty sẽ thanh toán số tiền nợ nêu trên là 20.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P cho đến khi hết nợ.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 430; Điều 433; 440; Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P đối với Công ty TNHH E (Việt Nam) về việc ‘Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa’.

2. Buộc Công ty TNHH E (Việt Nam) phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P tổng số tiền là: 541.606.858 đồng, trong đó nợ gốc: 520.698.964 đồng, nợ lãi: 20.907.894 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P đối với Công ty TNHH E (Việt Nam) về số tiền nợ gốc 51.309.830 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH E (Việt Nam) phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 25.664.274 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P 13.570.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009934 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/4/2019, ông Bùi Văn L là người đại diện hợp pháp của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất –Thương mại giấy P, buộc Công ty TNHH E (Việt Nam) phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P tổng số tiền 541.606.858 đồng, trong đó nợ gốc 520.698.964 đồng, nợ lãi 20.907.894 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ và buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm số tiền 25.664.274 đồng là sai, thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn đã đồng ý thanh toán số tiền lãi 20.907.894 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn và việc Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí sơ thẩm buộc bị đơn chịu 25.664.274 đồng là chính xác. Tuy nhiên, về áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định của Luật Thương mại để giải quyết là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH E Việt Nam, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng áp dụng bổ sung các quy định của Luật Thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn L là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH E (Việt Nam) trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo: Ngày 02/01/2018, Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P có ký hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐPVP-EMC/2018 với Công ty TNHH E (Việt Nam) với nội dung Công ty P cung cấp cho Công ty E thùng giấy carton theo hợp đồng trên. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng cho Công ty E nhưng khi đến thời hạn thanh toán Công ty E không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng dù Công ty P đã nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở. Ngày 26/11/2018, Công ty E xác nhận đối chiếu công nợ và còn nợ quá hạn Công ty P số tiền là 572.008.794 đồng. Ngày 06/12/2018, phía Công ty E đã trả cho Công ty P số tiền là 51.309.830 đồng nên ngày 28/2/2019 Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 51.309.830 đồng nợ này và yêu cầu Công ty TNHH E (Việt Nam) thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 520.698.964 đồng và tiền lãi kể từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm (09/4/2019) số tiền là 20.907.894 đồng, tổng cộng 541.606.858 đồng. Công ty TNHH E (Việt Nam) đồng ý trả số tiền mua hàng còn nợ là 520.698.964 đồng và tiền lãi số tiền là 20.907.894 đồng, tổng cộng 541.606.858 đồng theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P nhưng đề nghị được thanh toán mỗi tháng 20.000.000 đồng do đang gặp khó khăn về tài chính, đề nghị này không được phía Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P, buộc Công ty TNHH E (Việt Nam) phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P số tiền nợ gốc 520.698.964 đồng, tiền lãi 20.907.894 đồng, tổng cộng 541.606.858 đồng và buộc Công ty TNHH E (Việt Nam) phải chịu 25.664.274 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ và buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm số tiền 25.664.274 đồng là sai, thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn đã đồng ý thanh toán số tiền lãi 20.907.894 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn và việc Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí sơ thẩm buộc bị đơn chịu 25.664.274 đồng là chính xác. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH E (Việt Nam), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về áp dụng pháp luật: Các bên đương sự tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền hàng còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng lại không áp dụng các quy định của Luật Thương mại để giải quyết là thiếu sót, cần phải bổ sung cho đầy đủ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH E (Việt Nam) phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P đối với Công ty TNHH E (Việt Nam) về việc ‘Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa’:

Buộc Công ty TNHH E (Việt Nam) phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P số tiền là 541.606.858đ (Năm trăm bốn mươi một triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P đối với Công ty TNHH E (Việt Nam) về số tiền nợ gốc 51.309.830 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH E (Việt Nam) phải chịu 25.664.274 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Công ty TNHH E (Việt Nam) đã nộp theo các biên lai số 0004807 ngày 24/4/2019 và số 0008167 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, Công ty TNHH E (Việt Nam) còn phải nộp tiếp 25.664.274 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại giấy P 13.570.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009934 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu